Dưới danh nghĩa quân Đồng minh, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào miền Bắc thực hiện “nhiệm vụ” giải giáp quân Nhật; nhưng thực chất là thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động trong nước lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ tay sai cho chúng. Cùng lúc, quân Anh kéo vào miền Nam cũng để tước vũ khí quân Nhật, song thực chất là bí mật tìm cách giúp quân Pháp trở lại xâm chiếm Việt Nam.  
  
Ngày 6-9-1945, quân đội Anh vào Sài Gòn. Ngày 12-9, chúng chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ, che chở cho lực lượng thân Pháp biểu tình khiêu khích ở Sài Gòn, thả và trang bị vũ khí cho 1.500 lính Pháp bị Nhật giam giữ trước đây và trắng trợn đòi lực lượng vũ trang cách mạng giao nộp vũ khí. Đến ngày 23-9, chúng công khai hậu thuẫn cho quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.  
  
Bên cạnh giặc ngoài, các thế lực thù địch, phản động ở trong nước, như “Việt Nam quốc dân đảng” (Việt Quốc) của Vũ Hồng Khanh, “Việt Nam cách mạng đồng chí hội” (Việt Cách) của Nguyễn Hải Thần… tǎng cường chống phá chính quyền cách mạng và chiếm giữ một số địa phương. Các tổ chức phản cách mạng khác, như “Đại Việt quốc dân đảng”, “Đại Việt quốc gia xã hội đảng” v.v.. vẫn bí mật tìm mọi cách hoạt động phá hoại... Thêm vào đó là nạn đói, nạn dốt và tài chính kiệt quệ… đã đặt vận mệnh quốc gia dân tộc ta vào tình thế “ngàn cân treo trên sợi tóc”.   
  
Chủ động và bình tĩnh ứng phó với những thách thức nghiêm trọng trên, xuất phát từ cơ sở nghiên cứu, phân tích tình hình thế giới và hiện trạng đất nước, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”, trong đó xác định rõ nhiệm vụ cấp bách trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.   
  
Xác định củng cố chính quyền là vấn đề cơ bản, hàng đầu của cách mạng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, lập chính phủ và chấn chỉnh các cơ quan nhà nước. Đồng thời, các địa phương cũng bầu ra hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam (ngày 6-1-1946) và Quốc hội thông qua Hiến pháp (ngày 9-11-1946) biểu thị ý chí và sức mạnh của toàn dân trong bảo vệ thành quả cách mạng, khẳng định trên thực tế và về mặt pháp lý một chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân.   
  
Để tǎng cường hơn nữa sức mạnh về chính trị, bên cạnh Mặt trận Việt Minh, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt được thành lập (tháng 5-1946), nhằm đoàn kết tất cả các lực lượng và cá nhân chưa có điều kiện tham gia Mặt trận Việt Minh trước đây cùng phấn đấu cho một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và hùng cường. Khối đoàn kết dân tộc trong các mặt trận này là cơ sở chính trị, xã hội rộng lớn, bảo đảm sự vững mạnh của chính quyền nhân dân, của chế độ mới trước những khó khǎn, thử thách nghiêm trọng này.   
  
Trước nhất, ứng phó với hành động gây hấn của quân Pháp ở Nam Bộ, Đảng chủ trương nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang, tǎng cường sức mạnh quân sự, động viên sức mạnh tổng hợp toàn dân kiên trì kháng chiến. Ngày 23-9-1945, quân dân Sài Gòn - Gia Định và cả Nam Bộ nổ súng đánh quân Pháp, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Theo đó, trên toàn miền Nam, quần chúng nhân dân đồng loạt tổ chức tổng đình công, bãi công, bãi chợ, đồng thời tiến hành chiến tranh du kích rộng khắp, kìm chân và tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của chúng. Và ngay lập tức, phong trào “Nam tiến” chi viện cho đồng bào miền Nam ruột thịt kháng chiến chống thực dân Pháp được phát động mạnh mẽ và rộng khắp trên các địa phương ở miền Bắc.   
  
Để bảo vệ chính quyền và thành quả cách mạng, lực lượng vũ trang nhân dân không ngừng được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh lực lượng Quân đội nhân dân được thành lập từ trước cách mạng (ngày 22-12-1944), ngay sau khi giành chính quyền ở Hà Nội, lực lượng công an nhân dân chính thức ra đời (ngày 19-8-1945). Đây là công cụ bạo lực cần thiết và quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám.   
  
Có công cụ bạo lực chuyên chính trong tay, chính quyền cách mạng nhanh chóng xóa bỏ các sở Liêm phóng, Hiến binh, giải tán các đảng phái phản động của chính quyền thực dân. Chính phủ ra các sắc lệnh giải tán “Đại Việt quốc gia xã hội đảng”, “Đại Việt quốc dân đảng” (ngày 5-9-1945) và quản thúc an trí những kẻ nguy hiểm cho nền dân chủ cộng hòa (ngày 13-9-1945); đồng thời kiên quyết trừng trị bọn phản quốc lợi dụng khó khǎn của cách mạng và dựa vào thế lực bên ngoài để chống phá cách mạng. Điển hình nhất là việc điều tra, khám phá và đưa ra xét xử nhóm phản động ở phố Ôn Như Hầu (tháng 7-1946), triệt tiêu kế hoạch lật đổ chính quyền cách mạng của chúng. Đây là minh chứng sống động cho sức mạnh chuyên chính vô sản và uy tín của chính quyền nhân dân.  
  
Đối với giặc ngoài, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ: trước sau chính quyền Tưởng Giới Thạch cũng sẽ “trao” Đông Dương lại cho Pháp, miễn là Pháp mang đến cho chúng những lợi ích quan trọng. Do vậy, kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp. Tuy nhiên, để tập trung đối phó với thực dân Pháp, cần phải hòa hoãn, nhân nhượng với quân Tưởng, nhằm tránh phải đối đầu với cả hai kẻ thù cùng một lúc.   
  
Thực hiện chủ trương đó, Đảng ta đề ra chính sách “Hoa - Việt thân thiện”, có những nhân nhượng nhất định: cho quân Tưởng tiêu tiền “quan kim” (mặc dù điều đó làm cho tài chính và thương mại của ta càng thêm nguy ngập); cung cấp lương thực, thực phẩm cho chúng (khi đất nước chưa qua khỏi nạn đói); về quân sự, tránh xung đột với quân Tưởng, tỉnh táo để không rơi vào âm mưu và hành động khiêu khích đảo chính của chúng; về chính trị, mở rộng Chính phủ lâm thời thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, “chấp thuận” một số đại diện của Việt Quốc, Việt Cách (tay sai của Tưởng) tham gia Chính phủ… Đặc biệt, Đảng ta đã quyết định rút vào hoạt động bí mật. Đây là sự nhìn nhận và xử trí cực kỳ nhạy bén, sáng suốt, tránh được sự đối đầu có thể dẫn tới đổ vỡ. Tuy nhiên, trong những điều kiện và hoàn cảnh cho phép, nhân dân ta cũng công khai những hành động cần thiết để khẳng định ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được.  
  
Với sách lược khôn khéo trong quan hệ với quân Tưởng và các thế lực tay sai của chúng, Đảng và nhân dân ta đã làm thất bại âm mưu và hành động khiêu khích, lật đổ chính quyền của địch, bảo vệ vững chắc được thành quả Cách mạng Tháng Tám; góp phần quan trọng vào việc ổn định miền Bắc, tập trung sức chống thực dân Pháp xâm chiếm Nam Bộ.  
  
Để ứng phó với thực dân Pháp, đúng như nhận định của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Chỉ thị *“Kháng chiến kiến quốc”*, ngày 28-2-1946, Chính phủ Tưởng Giới Thạch và Chính phủ Đờ Gôn đã ký “Hiệp ước Hoa - Pháp”, thỏa thuận để quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân Tưởng “canh giữ tù binh Nhật” và giữ trật tự theo hiệp ước quốc tế. Có thể khẳng định, đây thực chất là sự mua bán chính trị, ngã giá về lợi ích dân tộc hẹp hòi giữa các thế lực đế quốc trên lưng nhân dân Việt Nam - một sự áp đặt như “việc đã rồi”, bất chấp Chính phủ và nhân dân ta có thừa nhận hay không.   
  
Lường trước tình huống phức tạp trên, Đảng và Chính phủ ta quyết định tạm thời hòa hoãn với Pháp, cho quân Pháp ra miền Bắc, nhằm tránh tình thế cùng một lúc phải đấu tranh với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tạo thêm thời gian củng cố chính quyền và thành quả cách mạng, tǎng cường tiềm lực để đưa cách mạng tiến lên; đồng thời để sớm gạt được quân Tưởng ra khỏi nước ta và loại trừ bọn tay sai của chúng. Đây chính là sách lược *“Hòa để tiến”* của ta. Tuy nhiên, chính nhiều quan chức chính quyền và quân đội Pháp cũng phải thừa nhận một thực tế là họ không thể dễ dàng đưa quân vào miền Bắc nếu không đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh.  
  
Chấp nhận tạm thời hòa hoãn và có nhân nhượng cần thiết để quân Pháp ra miền Bắc, nhưng không phải hoàn toàn theo “Hiệp ước Hoa - Pháp”, mà phải theo những điều khoản đàm phán ký kết trong *“Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp”* (ngày 6-3-1946), cụ thể nước Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng trong Liên bang Đông Dương và Khối liên hiệp Pháp; Việt Nam thỏa thuận cho quân đội Pháp vào thay quân đội Trung Hoa dân quốc (quân đội Tưởng Giới Thạch) trong thời hạn không quá 5 năm; hai bên đình chiến, quân đội hai bên giữ nguyên vị trí đóng quân để tiến hành đàm phán chính thức.   
  
Để thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng và toàn dân, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *“Hòa để tiến”*(ngày 9-3-1946), nhằm nhắc nhở và đề phòng xu hướng “tả” khuynh, không muốn hòa với Pháp, không tin chủ trương hòa với Pháp là đúng. Xu hướng này có thể xuất phát từ lòng yêu nước chính đáng, nhưng nông nổi, có thể dẫn đến hành động tự phát, dễ bị bọn phản động khiêu khích. Đồng thời tránh cả xu hướng “hữu” khuynh, ngây thơ tưởng rằng Hiệp định Việt - Pháp đã giúp dân tộc ta tránh được mọi khó khǎn rồi. Xu hướng này dễ gây ảo tưởng, mất cảnh giác, không chuẩn bị đối phó với mọi bất trắc, dẫn đến bị động nếu thực dân Pháp tráo trở. Cẩn trọng hơn, ngay sau khi ký kết “Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp”, Chính phủ ta cử một phái đoàn sang thăm viếng, giữ “quan hệ hòa hảo” với Chính phủ Trùng Khánh (ngày 18-3-1946).   
  
Thực hiện sách lược hòa hoãn với Pháp là một đòn nặng đánh vào dã tâm thâm độc phá cuộc đàm phán Việt - Pháp, “đuổi” nhanh quân Tưởng ra khỏi bờ cõi, góp phần làm tan rã bọn phản động tay sai của chúng.   
  
Tuy nhiên, việc bảo vệ thành quả và phát triển lực lượng cách mạng của ta từ sau “Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp” diễn ra hết sức cam go. Một mặt, ta kiên trì đấu tranh ngoại giao, duy trì khả nǎng hòa hoãn, tỏ rõ lập trường hòa bình, hữu nghị với chính quyền Pháp; mặt khác, kiên quyết đấu tranh đẩy lùi những âm mưu, hành động khiêu khích, lấn tới của quân Pháp.   
  
Với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh có chuyến thăm nước Pháp (từ ngày 31-5-1946); trực tiếp tham gia đoàn đàm phán giữa Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp (từ ngày 6-7-1946), nhưng không đạt kết quả. Cũng trong khoảng thời gian trên, quân Pháp đã ngang nhiên chiếm đóng trái phép trụ sở Phủ toàn quyền cũ ở Hà Nội (ngày 25-6-1946), kế hoạch đảo chính lật đổ Chính phủ ta (ngày 14-7-1946), lập “Chính phủ Nam kỳ tự trị”… đã lật tẩy mưu đồ tiến hành chiến tranh xâm lược trước sau không đổi của giới cầm quyền hiếu chiến Pháp. Dù vậy, trước khi rời nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp bản “Tạm ước Việt - Pháp” (ngày 14-9-1946), thể hiện thiện chí hòa bình trước sau như một của Chính phủ và nhân dân Việt Nam. Mặt khác, để Đảng, Chính phủ và nhân dân ta có thêm thời gian và điều kiện xúc tiến nhanh việc chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng đối phó với những bước leo thang phiêu lưu mới của thực dân Pháp.  
  
Đến tháng 12-1946, không thể chấp nhận hơn được nữa những yêu sách và hành động phản trắc, ngang ngược của quân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.   
  
Như vậy, trong vòng 16 tháng (từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946), một trong những thành công nổi bật của Đảng ta góp phần bảo vệ chính quyền và thành quả cách mạng là chủ động, khôn khéo, mềm dẻo để ứng phó hiệu quả với thù trong, giặc ngoài; lúc thì hòa hoãn nhân nhượng với quân Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm thời hòa hoãn với Pháp để đuổi nhanh quân Tưởng về nước. Đó là những biện pháp cực kỳ sáng suốt và là một mẫu mực của sách lược về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự nhân nhượng có nguyên tắc trong chỉ đạo cách mạng của Đảng ta.   
  
Cách thức ứng phó với thù trong, giặc ngoài, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám dù cách nay đã gần 7 thập niên, song tính thời sự vẫn còn vẹn nguyên giá trị, nhất là đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự và chủ quyền biên giới đất liền và biển, đảo của Tổ quốc hiện nay.

Bài trừ nội phản:

Đối với tổ chức phản cách mạng dùng khẩu hiệu “Đoàn kết chống thực dân Pháp xâm lược, phản đối chia rẽ để vạch mặt phá hoại của chúng”.

-Đấu tranh chống ngoại xâm:

Thực hiện nguyên tắc ngoại giao “Bình đẳng tương trợ, thêm bạn, bớt thù”. Đối với quân đội Tưởng thực hiện “Hoa-Việt thân thiện”

+ Trước ngày 6-3-1946 Đảng ta đã có sách lược hoà hoãn với Tưởng và tay sai ở miền Bắc để tập trung lực lượng đánh đuổi Pháp ở miền Nam. Đối với Tưởng, ta chủ trương tránh xung đột vũ trang, nhân nhượng chúng một số yêu sách về kinh tế và chính trị : Nhận cung cấp một phần lương thực, thực phẩm.

+ Đối với quân Pháp ở miền Nam: Kiên quyết kháng chiến chống thực dân Pháp; cả nước ủng hộ Nam Bộ kháng chiến với các phong trào “Nam Tiến”, “ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”.

+ Ngày 28-2-1946 Pháp và Tưởng ký hiệp ước Hoa-Pháp, Pháp sẽ thay thế quân Tưởng giải giáp quân Nhật ở miền Bắc nên đã đặt nhân dân ta vào hai con đường: một là: cầm vũ khí chiến đấu chống thực dân Pháp; hai là: hoà hoãn nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng đối phó với nhiều kẻ thù một lúc, đẩy 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng cách mạng.

+ Chiều 6-3-946, ta đã ký Hiệp định sơ bộ với Pháp

Qua đó, việc ký Hiệp định sơ bộ là một trủ chương sách lược đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh. Ta đã loại trừ được một kẻ thù nguy hiểm là quân Tưởng và tay sai của chúng ra khỏi nước ta. Tranh thủ thời gian hoà bình cần thiết để củng cố chính quyền cách mạng , chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.